

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/DS-ST

Ngày 09 - 11 - 2022

V/v: Tranh chấp chia di sản
thừa kế, chia tài sản chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Kiệm và ông Nguyễn Hải Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2021/TLST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản, chia tài sản chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2021 và Thông báo về việc tiếp tục mở phiên tòa xét xử vụ án dân sự sơ thẩm số 02/TB-TA ngày 15 tháng 9 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/QĐST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/QĐST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Đặng Văn H, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh H. Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (theo Văn bản uỷ quyền ngày 12/01/2022): Anh Nguyễn Trường Th, sinh năm 1990; địa chỉ: Số nhà 6, Ngách 4, Ngõ 1, đường L, phường M, quận H, Thành phố Hà Nội.

2. *Bị đơn:* Anh Đặng Đức L, sinh năm 1996 (là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh Đặng Văn T, sinh năm 1972 (đã chết). Người đại diện theo uỷ quyền của anh L (theo Văn bản uỷ quyền ngày 26/3/2021): Chị Đoàn Thị T, sinh năm 1978; cùng địa chỉ cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh H.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh H; địa chỉ trụ sở: Xã Đức Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Ng, chức vụ: Chủ tịch UBND xã.

3.2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1948;

- 3.3. Chị Đoàn Thị T, sinh năm 1978.
- 3.4. Chị Đặng Thị Th, sinh năm 1986.
- 3.5. Anh Đặng Văn Th, sinh năm 1971;
- 3.6. Chị Lương Thị T, sinh năm 1975;
- 3.7. Chị Trần Thị M, sinh năm 1977;

Cùng địa chỉ cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh H.

Người đại diện theo uỷ quyền của anh Th, chị M và chị T (theo Văn bản uỷ quyền ngày 12/01/2022): Anh Nguyễn Trường Th, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: Số nhà 6, Ngách 4, Ngõ 1, đường L, phường M, quận H, Thành phố Hà Nội.

3.8. Chị Đặng Thị H, sinh năm 1968; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện L, tỉnh H.

Phiên toà có mặt: Anh Th, bà H, chị H, chị Th; vắng mặt chị T, ông Ng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/02/2021 của nguyên đơn anh Đặng Văn H; ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Ông Đặng Văn Đ và bà Trần Thị H có 05 người con chung, gồm: Chị Đặng Thị H, sinh năm 1968; anh Đặng Văn Th, sinh năm 1971; anh Đặng Văn T, sinh năm 1972, chết năm 2011 (có vợ là chị Đoàn Thị T, sinh năm 1978 và có một con là anh Đặng Đức L, sinh năm 1996); anh Đặng Văn H, sinh năm 1976; chị Đặng Thị Th, sinh năm 1986. Ông Đặng Văn Đ chết năm 2020, không để lại di chúc cho ai thừa kế tài sản; bà Trần Thị H đang sinh sống tại thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh H.

Về di sản thừa kế và tài sản chung: Quá trình chung sống, vợ chồng ông Đ và bà H tạo lập, kiến thiết được những tài sản chung gồm:

- Về đất ở: Thừa đất 270, tờ bản đồ số 19, diện tích là 228m² đất ở đã được UBND huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00639QSDĐ/1273/QĐ/UB(H) ngày 20/9/2004, chủ hộ ông Đặng Văn Đ. Nguồn gốc thừa đất trên là của bố mẹ ông Đ để lại cho vợ chồng ông Đ và bà H.

- Về đất nông nghiệp: Ông Đ và bà H có tiêu chuẩn đất nông nghiệp (đất lúa) là 1344m² tại tờ bản đồ số 17, thửa số 4(4), diện tích 638m²; tờ bản đồ số 19, thửa số 341(8), diện tích 556m² và tờ bản đồ số 18, thửa số 2(8), diện tích 150m² đã được UBND huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00930QSDĐ/740/QĐ/UB(H) ngày 27/12/2002, chủ hộ ông Đặng Văn Đ.

- Về tài sản, vật kiến trúc: Trên thừa đất số 270, tờ bản đồ số 19 có 01 nhà mái bằng diện tích khoảng 22m² nằm trước cửa nhà anh T (hiện con trai anh T là cháu L đang sử dụng) và anh H đang ở hiện nay. Ngoài ngôi nhà nêu trên, vợ

chồng ông Đ còn một lán lợp bro xi măng làm nhà tắm, nhà vệ sinh do bà H đang sử dụng.

Về quá trình sử dụng đất: Khi còn sống ông Đ và bà H không chuyển nhượng cho ai diện tích đất này. Năm 1999, ông Đ và bà H đã họp gia đình không lập văn bản, thống nhất chia đều cho 03 người con trai là anh Th, anh T và anh H toàn bộ diện tích đất ở $228m^2$, mỗi người là $76m^2$, kích thước chiều rộng là 4,5m, chiều dài chạy hết thửa đất. Sau khi được ông Đ, bà H cho đất anh Th, anh T và anh H đều đã xây dựng nhà kiên cố, công trình kiến trúc trên đất được vợ chồng ông Đ chia và xây lán chiếm phần đất thuộc quyền quản lý của UBND xã Đức Lý và hành lang đường giao thông QL38B. Hiện trạng đo đất tại thời điểm Toà án giải quyết vụ án, vị trí thửa đất anh Th, anh T và anh H sử dụng như sau: Đất anh Th sử dụng diện tích $91m^2$, anh L sử dụng $71m^2$, anh H sử dụng $66m^2$.

Ngoài ra, hộ anh Th, anh L và anh H trong quá trình sử dụng đất đã lấn chiếm hành lang đường quốc lộ 38B và lan cạp, lấn chiếm một phần đầm hoang là đất UB (thuộc quyền quản lý của UBND xã Đức Lý), cụ thể theo hiện trạng đo đạc hiện nay:

Hộ anh Th vợ là chị T hiện nay đang sử dụng là $161m^2$, bao gồm phần đất trống nằm giữa nhà ở của anh Th và nhà của chị T, trên đất có lán lợp bro xi măng của bà H dùng làm nhà tắm, nhà vệ sinh; trong đó có $70m^2$ đất lấn chiếm, còn lại là $91m^2$ đất thổ cư của bố mẹ cho.

Hộ anh T vợ là chị T hiện nay đang sử dụng là $128m^2$; trong đó có $57m^2$ đất lấn chiếm, còn lại là $71m^2$ đất thổ cư của bố mẹ cho.

Hộ anh H vợ là chị M hiện nay đang sử dụng là $122m^2$; trong đó có $56m^2$ đất lấn chiếm, còn lại là $66m^2$ đất thổ cư của bố mẹ cho.

Ý kiến của nguyên đơn: Trước đây, ông Đ và bà H thoả thuận chia đều đất cho 03 con trai, mỗi người là $76m^2$ đất ở, mặt tiền mỗi người được chia đều 4,5m, chiều sâu chạy dài hết thửa đất, các con trai của ông Đ đã xây dựng nhà cửa, công trình kiến trúc kiên cố trên đất. Hiện nay theo hiện trạng đo đạc thể hiện hộ anh H sử dụng là $66m^2$ đất ở, anh T sử dụng là $71m^2$ đất ở và anh Th sử dụng là $91m^2$ đất ở. Vì vậy, đề nghị Toà án hoà giải để giao cho anh Th, anh T (cháu L), anh H diện tích đất như hiện trạng đang sử dụng, trong đó có tài sản thừa kế của ông Đ và tài sản của bà H cho các con. Đối với người sử dụng diện tích đất nhiều hơn, cụ thể như anh Th đang sử dụng $91m^2$ thì không phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho anh H và cháu L. Về tài sản xây dựng trên đất thì tài sản của ai người đó được sử dụng.

Đối với căn nhà mái bằng và lán nhà tắm, nhà vệ sinh là tài sản của ông Đ và bà H, hiện nay bà H đang sử dụng. Đề nghị không giải quyết trong vụ án, khi nào bà H chết thì phần đất giao cho ai thì người đó được sử dụng.

Đối với phần tài sản, vật kiến trúc mà các đương sự đã xây dựng trên phần đất lấn chiếm thuộc quyền quản lý của UBND xã Đức Lý thì hộ anh Th và anh H sẽ có trách nhiệm tự tháo dỡ để trả lại mặt bằng đất cho nhà nước quản lý.

Về chi phí thẩm định, định giá tài sản và đo đạc: Nguyên đơn đã tạm ứng chi phí, đề nghị những người được hưởng di sản thừa kế và được chia tài sản chung cùng phải chịu số tiền này tương ứng với trị giá tài sản được hưởng.

Ý kiến của chị Đoàn Thị T là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Về yêu cầu khởi kiện chia thừa kế và chia tài sản chung của nguyên đơn chị không đồng ý, vì khi họp gia đình, bố mẹ chồng là ông Đ và bà H đã tuyên bố cho 03 người con, mỗi người là $76m^2$ đất ở, nhưng hiện tại sử dụng đo đạc gia đình chị đang thiếu $05m^2$. Vì vậy chị yêu cầu lấy đủ diện tích $76m^2$ tại vị trí giáp đất chia cho anh Th để làm rãnh thoát nước.

Về chi phí đo đạc và án phí: Nguyên đơn khởi kiện thì phải chịu toàn bộ tiền chi phí tố tụng và án phí với nhà nước, cháu Luân không phải chịu các khoản tiền này.

Về đất nông nghiệp: Tiêu chuẩn của ông Đ và bà H, chị T nhất trí với quan điểm của nguyên đơn là không đề nghị Tòa án chia.

Đối với căn nhà mái bằng là tài sản của ông Đ và bà H, hiện nay bà H đang ở, chị T nhất trí như quan điểm của bà H và các đương sự trong vụ án, bà H sẽ quản lý, sử dụng cho đến khi bà H chết (sau 100 ngày) thì cháu T và anh H mới được tháo dỡ để sử dụng phần mặt tiền và trả lại một phần diện tích xây lấn chiếm hành lang giao thông cho nhà nước.

Đối với công trình xây dựng trên phần đất lấn chiếm, gia đình chị đã xây dựng lấn chiếm sang phần đất do UBND xã quản lý là $38m^2$, chị sẽ có trách nhiệm tháo dỡ phần công trình xây dựng lấn chiếm khi nhà nước có yêu cầu.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị H trình bày: Về mối quan hệ giữa bà và ông Đ như nguyên đơn, bị đơn trình bày là đúng. Bà và ông Đ có tài sản chung là thừa số 270, tờ bản đồ số 19, diện tích $228m^2$ đất ở; nguồn gốc thừa đất này là do bố mẹ để lại. Năm 1999, gia đình đã thống nhất chia đều cho 03 người con trai là anh Th, anh T và anh H toàn bộ diện tích đất ở $228m^2$, mỗi người là $76m^2$, trong đó chiều rộng là 4,5m, chiều dài chạy hết thửa đất. Tuy nhiên quá trình sử dụng lại không đúng như diện tích gia đình đã thống nhất nên mới xảy ra tranh chấp. Nay bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia thừa kế tài sản của ông Đ, phần di sản bà được hưởng và phần tài sản riêng của bà, bà cho ba người con trai được sử dụng như hiện trạng: Anh H sử dụng là $66m^2$ đất thổ cư, anh T sử dụng là $71m^2$ đất thổ cư (do anh T đã chết nên cháu L được sử dụng phần đất này) và anh Th sử dụng là $91m^2$ đất thổ cư. Các tài sản trên đất do ai xây dựng thì người đó được quyền

sử dụng. Đối với phần đất lấn chiếm thì do các con bà xây dựng trên đất nên phải chịu trách nhiệm với nhà nước khi nhà nước thu hồi đất.

Đối với căn nhà hiện nay bà đang ở, xây dựng trước mặt tiền nhà ở của cháu L, một phần trước mặt nhà ở của anh H và một phần diện tích có lấn chiếm ra hành lang giao thông. Bà H đề nghị khi nào bà chết (sau 100 ngày) thì mẹ con chị T và anh H mới được tháo dỡ căn nhà này để sử dụng phần đất mặt tiền và trả lại một phần hành lang giao thông Quốc lộ 38B.

Đối với đất nông nghiệp tiêu chuẩn của bà và ông Đ, 01 lán nhà tắm vệ sinh: Nguyên đơn không yêu cầu chia, tôi cũng nhất trí, để gia đình tôi tự giải quyết với nhau.

2. Chị Đặng Thị H và chị Đặng Thị Th cùng có quan điểm như sau: Về lý lịch nhân thân của gia đình và tài sản của ông Đ và bà H như các đương sự trình bày là đúng. Theo quy định của pháp luật thì các con đều được hưởng phần di sản do ông Đ chết để lại. Tuy nhiên trước khi ông Đ chết gia đình đã họp thống nhất cho ba người con trai là anh Th, anh Tuấn và chú H, mỗi người tổng diện tích là $76m^2$, sau khi được cho đất mọi người đã xây nhà ở, nhưng do diện tích sử dụng không đủ diện tích nên anh em mới xảy ra tranh chấp, hiện chúng tôi đều có gia đình và có chỗ ở riêng, nên phần di sản của ông Đ chúng tôi được hưởng chúng tôi tự nguyện tặng cho anh Th và anh H và cháu L. Đề nghị Toà án chia cho các đương sự diện tích như hiện trạng đang sử dụng; về các nội dung khác chúng tôi không có ý kiến gì.

3. Ông Nguyễn Đức Ng đại diện UBND xã Đức Lý có quan điểm: Ông Đặng Văn Đ và bà Trần Thị H có tài sản chung là thửa đất 270, tờ bản đồ số 19, diện tích là $228m^2$ đất ở đã được UBND huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/9/2004, chủ hộ ông Đặng Văn Đ. Nguồn gốc là của bố mẹ ông Đ để lại cho vợ chồng ông Đ và bà H. Khoảng năm 2020 ông Đ và bà H đã cho ba người con trai là anh Th, anh T và anh H, việc tặng cho chưa làm thủ tục theo quy định của pháp luật. Sau đó các con ông Đ đã xây nhà cửa công trình trên đất, quá trình xây dựng đã lấn cạp lấn chiếm phần đất do UBND xã quản lý và một phần đất hành lang QL38B, đến nay UBND xã Đức Lý vẫn chưa lập biên bản và chưa có biện pháp xử lý đối với các hộ dân. Đối với phần đất lấn chiếm đường QL38B do cấp trên xử lý; đối với phần đất do UB quản lý thì UBND xã Đức Lý sẽ có phương án xử lý theo quy định của pháp luật.

Về yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế và chia tài sản chung, đề nghị Toà án căn cứ vào nguyện vọng của đương sự, tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà:

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm như

đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với các khoản tiền chi phí tố tụng, đề nghị bị đơn phải chịu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Đặng Thị H và chị Đặng Thị Th nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và sự tự nguyện tặng cho toàn bộ tài sản của bà Trần Thị H cho ba người con trai là anh Đặng Văn Th, anh Đặng Văn H, cháu Đặng Đức L như hiện trạng đang sử dụng. Chị H và chị Th tự nguyện cho phân di sản thừa kế mình được hưởng cho anh Th, anh H và cháu L, không yêu cầu anh Th, anh H và cháu L phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản thừa kế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có ý kiến như sau:

Về tố tụng: Hành vi tố tụng, Quyết định của người tiến hành tố tụng, cơ quan thẩm quyền tố tụng và của Hội đồng xét xử đảm bảo đúng theo quy định pháp luật. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Đặng Văn H chia di sản thừa kế của ông Đặng Văn Đ và chia tài sản riêng của bà Trần Thị H theo pháp luật.

Xác nhận quyền thừa kế di sản của ông Đặng Văn Đ thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: Bà Trần Thị H, chị Đặng Thị H, anh Đặng Văn Th, anh Đặng Văn H, chị Đặng Thị Th, anh Đặng Văn T (đã chết, người thừa kế thế vị của anh T là anh Đặng Đức L) được hưởng di sản thừa kế của ông Đặng Văn Đ chết để lại.

Về di sản thừa kế của ông Đặng Văn Đ chết để lại trong khối tài sản chung với bà Trần Thị H tại thửa số 270, tờ bản đồ số 19, diện tích là 114m² đất ở đã được UBND huyện Lý Nhân cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00639QSDĐ/1273/QĐ/UB(H) ngày 20/9/2004, chủ hộ ông Đặng Văn Đ. Giá trị di sản thừa kế của ông Đ chết để lại các đương sự yêu cầu phân chia là 205.200.000 (Hai trăm linh năm triệu hai trăm nghìn đồng).

Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự, chia diện tích đất ở 114m² là di sản của cụ Đ chết để lại cho 03 người con gồm: Anh Đặng Văn Th, anh Đặng Văn H, anh Đặng Văn T (người thừa kế thế vị của anh T là anh Đặng Đức L) mỗi người được hưởng 38m².

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị H chia phần di sản thừa kế của bà được hưởng và tài sản riêng của bà H cho ba người con trai là anh Đặng Văn Th, anh Đặng Văn H, anh Đặng Văn T, người thừa kế thế vị của anh T là anh L; cụ thể: Anh Đặng Văn Th được chia 53m² trị giá 95.400.000 đồng, anh Đặng Văn H được chia 28m² trị giá 50.400.000 đồng, người thừa kế thế vị của anh Đặng Đức T là anh L được chia 33m² trị giá 59.400.000 đồng; về đất nông nghiệp và tài sản trên đất các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét. Các đương sự phải chịu tiền chi phí tố tụng và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 27/12/2021, Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam thụ lý vụ án “Tranh chấp chia di sản thừa kế, chia tài sản chung” giữa anh Đặng Văn H và Đặng Đức L (là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh Đặng Văn T) là đúng quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; ông Đặng Văn Đ (chết năm 2020), khi chết không để lại di chúc. Vì vậy vụ án còn thời hiệu, anh Đặng Văn H hoặc những người đồng thừa kế khác đều có quyền khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn và người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn vắng mặt phiên tòa lần thứ 02 không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về hàng thừa kế: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự đều thống nhất và không có tranh chấp nên căn cứ vào Điều 613, khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xác nhận quyền thừa kế tài sản theo pháp luật đối với di sản của ông Đặng Văn Đ gồm: Bà Trần Thị H, chị Đặng Thị H, anh Đặng Văn Th, anh Đặng Văn H, chị Đặng Thị Th, anh Đặng Văn T (06 suất thừa kế).

Xác nhận anh Đặng Đức L được quyền thừa kế tài sản theo pháp luật đối với phần thừa kế của anh Đặng Đức T (Thừa kế thế vị).

Chấp nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị H, chị Đặng Thị H, chị Đặng Thị Th tặng cho kỷ phần di sản thừa kế được hưởng của ông Đặng Văn Đ để lại và tài sản riêng của bà Trần Thị H cho anh Đặng Văn H, anh Đặng Văn Th và anh Đặng Đức L.

2.2. Về di sản thừa kế: Căn cứ hồ sơ địa chính, tài liệu, chứng cứ và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Lý Nhân cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00639QSDĐ/1273/QĐ/UB(H) ngày 20/9/2004, chủ hộ ông Đặng Văn Đ. Các đương sự trong vụ án đều thống nhất về nguồn gốc, diện tích đất. Do đó đủ căn cứ xác định thửa đất số 270, tờ bản đồ số 19, diện tích là 228m² đất ở, vị trí tại thôn Hội Động, xã Đức Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam là tài sản chung của ông Đặng Văn Đ và bà Trần Th.

Phần di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của ông Đặng Văn Đ chết để lại trong khối tài sản chung với bà Trần Thị H tại thửa đất số 270, tờ bản đồ số 19,

diện tích là 114m² đất ở, trị giá 205.200.000 (Hai trăm linh năm triệu hai trăm nghìn) đồng được chia đều theo pháp luật cho 06 kỹ phần thừa kế gồm: Bà Trần Thị H, chị Đặng Thị H, anh Đặng Văn Th, anh Đặng Văn H, chị Đặng Thị Th, người thừa kế thế vị của anh Đặng Đức T là anh L. Mỗi kỹ phần được hưởng là 34.200.000 đồng.

2.3. Về yêu cầu chia tài sản chung:

Phần tài sản riêng của bà Trần Thị H trong khối tài sản chung với ông Đặng Văn Đ tại thửa đất số 270, tờ bản đồ số 19 diện tích là 114m² đất ở, trị giá 205.200.000 (Hai trăm linh năm triệu hai trăm nghìn đồng).

Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự chia toàn bộ di sản thừa kế của ông Đặng Văn Đ cho 03 người con trai là anh Đặng Văn Th, anh Đặng Văn H, người thừa kế thế vị của anh Đặng Đức T là anh L, mỗi kỹ phần được hưởng là 38m² trị giá 68.400.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị H chia tài sản riêng của bà H cho ba người con trai là anh Đặng Văn Th, anh Đặng Văn H anh Đặng Văn T, người thừa kế thế vị của anh Đặng Đức T là anh L; cụ thể: anh Đặng Văn Th được chia 53m² trị giá 95.400.000 đồng, anh Đặng Văn H được chia 28m² trị giá 50.400.000 đồng, người thừa kế thế vị của anh Đặng Đức T là anh L được chia 33m² trị giá 59.400.000 đồng.

Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự khi bà Trần Thị H chết (sau 100 ngày) thì anh Đặng Văn H và anh Đặng Đức L mới được tháo dỡ căn nhà diện tích 22m² là tài sản của ông Đặng Văn Đ và bà Trần Thị H xây dựng năm trên một phần đất chia cho anh H, một phần đất chia cho anh L để sử dụng diện tích đất mặt tiền và trả lại một phần đất lấn chiếm hành lang giao thông Quốc lộ 38B cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý.

Các đương sự không yêu cầu thanh toán chênh lệch giá trị tài sản nên không đặt ra xem xét.

[3]. Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí thẩm định, định giá, trích đo hiện trạng thửa đất và tài sản trên đất là 7.300.000 đồng, anh Đặng Văn H đã nộp tạm ứng và thanh toán xong. Căn cứ khoản 2 Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự phải chịu tiền chi phí tố tụng tương ứng với tỷ lệ giá trị phần tài sản được chia.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn đề nghị nguyên đơn phải chịu toàn bộ khoản tiền chi phí tố tụng; tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu toàn bộ khoản tiền chi phí tố tụng. Xét thấy đề nghị của các đương sự là không có căn cứ pháp luật nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí tương ứng với phần giá trị tài sản thừa kế, tài sản chung được hưởng theo quy định của pháp luật.

[5] Đối với quan điểm của chị Đoàn Thị T đề nghị: Khi ông Đặng Văn Đ còn sống đã hợp gia đình thống nhất cho ba người con trai mỗi người tổng diện tích là 76m² đất thổ cư, hiện tại gia đình chị mới sử dụng 71m², hộ anh Đặng Văn Th sử dụng 91m² thừa diện tích đất được cho. Vì vậy, yêu cầu hộ anh Th phải trả chị 05m². Hội đồng xét xử thấy: Việc gia đình ông Đ hợp gia đình để chia đất cho các con là tự nguyện, quá trình sử dụng đất các hộ đã xây nhà do các bên tự chỉ mốc xây dựng, quá trình sử dụng không ai có ý kiến gì về việc thiếu đất. Hơn nữa quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị H chỉ cho phần đất là tài sản riêng của bà cho các con như hiện trạng sử dụng; anh Đặng Văn L là người được nhận tặng cho quyền sử dụng đất nên không có quyền quyết định bà H phải cho đủ diện tích. Vì vậy đề nghị của chị T là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với các tài sản trên đất và tiêu chuẩn đất nông nghiệp của ông Đặng Văn Đ và bà Trần Thị H, các đương sự không có yêu cầu đề nghị gì nên không đặt ra xem xét.

[6] Về phần đất các hộ gồm anh Thiệu, anh H, anh L xây lấn chiếm hành lang giao thông QL38B và đất do UB xã Đức Lý đã được làm rõ về thời gian, diện tích các hộ lấn chiếm. Vì vậy cần kiến nghị với UBND xã Đức Lý giải quyết dứt điểm và xem xét trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong công tác quản lý đã để xảy ra sai phạm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26; Điều 147; Điều 157; Điều 165; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 612, 613, 623, 649, 650; điểm a khoản 1 Điều 651, 652, 660 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về chia thừa kế và chia tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Đặng Văn H chia di sản thừa kế của ông Đặng Văn Đ và chia tài sản chung của bà Trần Thị H theo pháp luật.

Xác nhận quyền thừa kế di sản của ông Đặng Văn Đ thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: Bà Trần Thị H, chị Đặng Thị H, anh Đặng Văn Th, anh Đặng Văn H, chị Đặng Thị Th, anh Đặng Văn T (đã chết, người thừa kế thế vị của anh T là anh Đặng Đức L) được hưởng di sản thừa kế của ông Đặng Văn Đ chết để lại.

Về di sản thừa kế của ông Đặng Văn Đ chết để lại trong khối tài sản chung với bà Trần Thị H tại thửa số 270, tờ bản đồ số 19, diện tích là 114m² đất ở đã được UBND huyện Lý Nhân cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00639QSDĐ/1273/QĐ/UB(H) ngày 20/9/2004, chủ hộ ông Đặng Văn Đ. Giá trị

di sản thừa kế của ông Đ chết để lại các đương sự yêu cầu phân chia là 205.200.000 (Hai trăm linh năm triệu hai trăm nghìn đồng).

Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự và sự tự nguyện của bà Trần Thị H chia toàn bộ tài sản thừa kế của ông Đặng Văn Đ chết để lại và tài sản riêng của bà Trần Thị H là diện tích đất ở 228m² cho anh Đặng Văn Th, anh Đặng Văn H, anh Đặng Văn T (đã chết, người thừa kế thế vị của anh Tuấn là anh Đặng Đức L) có sơ đồ kèm theo; cụ thể như sau:

Chia cho anh Đặng Văn H diện tích 66m² đất ở, trị giá 118.800.000 (Một trăm mười tám triệu tám trăm nghìn) đồng.

- Phía Đông giáp đường QL38B dài 4,41m.
- Phía Tây giáp đất do UBND xã Đức Lý quản lý dài 4,78m.
- Phía Nam giáp đất hộ ông Lương Công T dài 14,49m.
- Phía Bắc giáp đất chia cho anh Đặng Văn L (người thừa kế thế vị của anh T) dài 14,73m.

Chia cho anh Đặng Văn L (người thừa kế thế vị của anh T) diện tích 71m² đất ở, trị giá 127.800.000 (Một trăm hai mươi bảy triệu tám trăm nghìn) đồng.

- Phía Đông giáp đường QL38B dài 4,78m.
- Phía Tây giáp đất do UBND xã Đức Lý quản lý dài 4,79m.
- Phía Nam giáp đất chia cho anh H dài 14,73m.
- Phía Bắc giáp đất chia cho anh Th dài 14,95m.

Chia cho anh Đặng Văn Th diện tích 91m² đất ở, trị giá 163.800.000 (Một trăm sáu mươi ba triệu tám trăm nghìn) đồng.

- Phía Đông giáp đường QL38B dài 5,16m.
- Phía Tây giáp đất do UBND xã Đức Lý quản lý dài 6,96m.
- Phía Nam giáp đất chia cho anh L (người thừa kế thế vị của anh T) dài 14,95m.
- Phía Bắc giáp đất hộ ông Trần Văn Tr dài 15,48m.

Anh Đặng Văn H, anh Đặng Văn L, anh Đặng Văn Th không phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho các đồng thừa kế còn lại.

3. Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự khi bà Trần Thị H chết (sau 100 ngày) thì anh Đặng Văn H và anh Đặng Đức L mới được tháo dỡ căn nhà diện tích 22m² là tài sản của ông Đặng Văn Đ và bà Trần Thị H xây dựng nằm trên một phần đất chia cho anh H, một phần đất chia cho anh L để sử dụng diện tích đất mặt tiền. Đối với phần đất các hộ xây dựng công trình lấn chiếm thì có trách nhiệm tự tháo dỡ để trả lại diện tích đất cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý.

4. Về chi phí tố tụng: Anh Đặng Văn H phải chịu 2.217.000 (Hai triệu hai trăm mười bảy nghìn đồng) đã quyết toán xong. Đặng Văn L có trách nhiệm thanh toán trả anh Đặng Văn H số tiền 2.263.000 (Hai triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn đồng); anh Đặng Văn Th có trách nhiệm thanh toán trả anh Đặng Văn H số tiền 2.920.000 (Hai triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Đặng Văn H phải nộp 5.940.000 đồng, được đối trừ số tiền 4.100.000 đồng anh Đặng Văn H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0003847 ngày 01/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, anh H còn phải nộp tiếp số tiền 1.840.000 (Một triệu tám trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Anh Đặng Văn L phải nộp 6.390.000 (Sáu triệu ba trăm chín mươi nghìn) đồng.

Anh Đặng Văn Th phải nộp 8.190.000 (Tám triệu một trăm chín mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

7. Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

8. Về các vấn đề khác: Đối với diện tích đất do các hộ xây lấn chiếm thuộc quyền quản lý của UBND xã Đức Lý và hành lang giao thông QL38B; cụ thể như sau: Hộ anh Đặng Văn Th lấn chiếm diện tích 70m², hộ anh Đặng Đức L (chị T) lấn chiếm diện tích 57m², hộ anh Đặng Văn H lấn chiếm diện tích 56m². Bà Trần Thị H và các hộ trên có trách nhiệm tháo dỡ công trình để trả lại mặt bằng cho UBND xã Đức Lý theo quy định của pháp luật.

9. Kiến nghị UBND xã Đức Lý giải quyết dứt điểm việc xây dựng lấn chiếm của hộ anh Đặng Văn Th, hộ anh Đặng Đức L, hộ anh Đặng Văn H. Thu hồi toàn bộ diện tích đất do các hộ dân xây dựng lấn chiếm để UBND xã Đức Lý

quản lý. Đồng thời xem xét trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong công tác quản lý đất đai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- UBND xã Đức Lý;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Quốc Huy